

## **KẾ HOẠCH**

### **tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 46-NQ/TW của Bộ Chính trị “về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”**

Thực hiện Công văn số 7089-CV/BTGTW ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 46-NQ/TW ngày 23 tháng 02 năm 2005 của Bộ Chính trị “về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới” (viết tắt là Nghị quyết), Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch tổng kết như sau:

#### **I- Mục đích, yêu cầu**

**1-** Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai nghị quyết. Làm rõ chuyên biến về nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, mặt trận, đoàn thể và nhân dân về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

**2-** Đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế, yếu kém, tồn tại và phân tích những nguyên nhân; rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện Nghị quyết. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp phù hợp với từng địa phương, đơn vị nhằm thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

**3-** Tiến hành tổng kết nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, đảm bảo tiến độ thời gian.

#### **II- Nội dung tổng kết**

##### **1- Công tác tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết**

- Tổ chức quán triệt, học tập và thực hiện Nghị quyết trong ngành y tế; sự phối hợp triển khai thực hiện của các cấp ủy, chính quyền, các ban ngành, mặt trận, đoàn thể trên địa bàn tỉnh.

- Ngành y tế đã tham mưu cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành những văn bản nào để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết đạt hiệu quả.

- Hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện các văn bản trên.

##### **2- Kết quả thực hiện Nghị quyết**

- Đánh giá nhận thức, vai trò trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, sự phối hợp tham gia của các ban ngành, mặt trận, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe

nhân dân thể hiện qua việc chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, xây dựng trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia, lồng ghép công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân với kế hoạch, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở, triển khai các chương trình, mục tiêu y tế...

- Đánh giá vai trò, hiệu quả, sự phối hợp thực hiện Nghị quyết, các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giữa các ban, ngành, mặt trận, đoàn thể liên quan, sự phối hợp quân - dân - y, các lực lượng y tế tư nhân trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân theo tinh thần Nghị quyết 46-NQ/TW:

+ Phát triển và hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe nhân dân;

+ Đổi mới chính sách tài chính y tế;

+ Phát triển nguồn nhân lực y tế;

+ Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh;

+ Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về y tế;

+ Đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

+ Nâng cao hiệu quả thông tin - giáo dục - truyền thông về các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

*Đề nghị căn cứ vào những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết 46-NQ/TW để phân tích, đánh giá những mặt đã làm được và chưa làm được với những số liệu cụ thể để so sánh, chứng minh.*

### **3- Phân tích nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm**

**4- Phương hướng và giải pháp trong thời gian tới nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế và thực hiện hiệu quả Nghị quyết 46-NQ/TW của Trung ương**

### **5- Đề xuất, kiến nghị**

- Quan điểm đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Mục tiêu của công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong thời gian tới.

- Phương thức lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Hệ thống tổ chức và quản lý Nhà nước về y tế.

- Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về sức khỏe và chăm sóc sức khỏe.
- Kinh phí và quản lý tài chính y tế.
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực y tế.
- Về y tế cơ sở, xã hội hóa y tế, chất lượng dịch vụ y tế...

### **III- Tổ chức thực hiện**

**1-** Ban cán sự đảng Ủy ban nhân tỉnh chỉ đạo các ban, ngành, đơn vị trực thuộc tiến hành tổng kết theo quy định và báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy*) **trước ngày 30 tháng 11 năm 2014.**

**2-** Sở Y tế xây dựng báo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết (*theo nội dung tổng kết nêu trên và biểu mẫu đính kèm*) và gửi báo cáo về Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy **trước ngày 30 tháng 11 năm 2014.**

**3-** Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với ngành có liên quan xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết của tỉnh; tham mưu ban hành văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 46-NQ/TW của Bộ Chính trị “*về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới*”, gửi về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Văn phòng Tỉnh ủy*), thời gian **trước ngày 08 tháng 12 năm 2014.**

**4-** Dự kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành tổng kết bằng văn bản vào **tháng 12 năm 2014.**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các ban, ngành có liên quan triển khai tổ chức thực hiện.

#### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Tuyên giáo Trung ương + T26,
- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Y tế,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Phạm Đình Thu**

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN  
NGHỊ QUYẾT 46-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

**1- Một số tiêu chí liên quan đến bà mẹ và trẻ em**

STT	Các tiêu chí	2005	2010	2014
01	Tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi (‰)			
02	Tỷ lệ chết trẻ em dưới 5 tuổi (‰)			
03	Tỷ lệ trẻ sơ sinh nhẹ cân dưới 2.500g			
04	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi			
05	Tỷ lệ tử vong bà mẹ (/100.000)			
06	Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ			

**2- Về phát triển và hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe nhân dân**

STT	Nội dung	2005	2010	2014	Chưa có / Chưa triển khai
01	<b>Năm ban hành Quy hoạch phát triển ngành y tế</b> ( <i>ghi năm cụ thể</i> )				
02	<b>Về y tế dự phòng</b>				
	Số lượng phòng xét nghiệm được nâng cấp				
	Số lượng cán bộ trong hệ dự phòng toàn tỉnh				
	Số lượng trung tâm y tế dự phòng cấp huyện được thành lập và kiện toàn				
	Năm thành lập Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh ( <i>ghi năm cụ thể</i> )				
	Tỷ lệ trường học có nhân viên y tế chuyên trách				
03	<b>Về sắp xếp, củng cố hệ thống quản lý nhà nước về dược phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm và mỹ phẩm</b>				
	Năm thành lập Phòng Quản lý				

	dược, an toàn vệ sinh thực phẩm, mỹ phẩm (ghi năm cụ thể)				
	Năm ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về dược phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm, mỹ phẩm cho phòng y tế tuyến huyện (ghi năm cụ thể)				
04	<b>Mạng lưới Khám chữa bệnh - Phục hồi chức năng</b>				
	Tổng số bệnh viện công lập				
	Tổng số bệnh viện tư nhân				
	Tỷ lệ giường bệnh công lập/10.000 dân				
	Tỷ lệ bác sỹ công lập/10.000 dân				
	Tỷ lệ dược sỹ đại học công lập/10.000				
	Công suất sử dụng giường bệnh tuyến tỉnh				
	Công suất sử dụng giường bệnh tuyến huyện				
05	<b>Y tế cơ sở</b>				
	Tổng số huyện đã thành lập phòng y tế				
	Tổng số Bệnh viện huyện				
	Tổng số Trung tâm Y tế huyện				
	Tổng số Phòng khám đa khoa khu vực				
	Tổng số Trạm y tế xã				
	Tổng số xã chưa có Trạm y tế xã				
	Tổng số Trạm Y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế xã				
	Tổng số Trạm Y tế xã có bác sỹ				
	Tổng số Trạm Y tế có nữ hộ sinh				
	Tổng số thôn, làng có nhân viên y tế hoạt động				

	Tổng số nhân viên y tế thôn, làng đang hoạt động				
	Tổng số nhân viên y tế thôn, làng được hưởng phụ cấp				
	Mức hưởng phụ cấp nhân viên y tế thôn, làng (nghìn đồng/tháng/người)				
	Tỷ lệ quản lý thai nghén				
	Tỷ lệ phụ nữ đẻ khám thai đủ 3 lần trở lên				
06	<b>Y học cổ truyền</b>				
	Năm thành lập bệnh viện y học cổ truyền tỉnh				
	Tổng số Trạm Y tế xã duy trì và sử dụng vườn thuốc Nam				
	Tổng số xã có lương y hay y sỹ y học cổ truyền làm việc tại Trạm Y tế				
07	<b>Tổng số cơ sở dược của địa phương</b>				
	Nhà thuốc				
	Đại lý bán lẻ				
	Tủ thuốc thuộc Trạm y tế				
	Quầy thuốc doanh nghiệp nhà nước				
	Quầy thuốc doanh nghiệp cổ phần hóa				
	Công ty Cổ phần, Công ty TNHH				

### 3- Đổi mới chính sách tài chính y tế và phát triển nguồn nhân lực

**Biểu 1:**

STT	Năm	2005	2010	2014	Ghi chú
	Nội dung				
01	Tổng ngân sách nhà nước chi cho y tế (bao gồm cả NSTW và địa phương)				
02	Ngân sách chi thường xuyên				
03	Ngân sách chi đầu tư phát triển (kết cấu hạ tầng y tế, trang thiết bị y tế,...)				
04	Ngân sách của Trung ương				
05	Ngân sách của địa phương				
06	Tổng kinh phí từ bảo hiểm y tế				
07	Tổng kinh phí thu từ viện phí				
08	Tổng kinh phí từ viện trợ và vốn vay				

**Biểu 2:**

STT	Nội dung	2005	2010	2014	Chưa có/ Chưa triển khai
01	Tỷ lệ Trạm y tế xã được cấp ngân sách chi thường xuyên				
	Tỷ lệ Trạm y tế xã được cấp ngân sách chi thường xuyên dưới 12 triệu/năm				
	Tỷ lệ Trạm y tế xã được cấp ngân sách chi thường xuyên (12 triệu-15 triệu/năm)				
	Tỷ lệ Trạm y tế xã được cấp ngân sách chi thường xuyên trên 15 triệu/năm				
02	Tổng số bệnh viện thực hiện tự chủ tài chính				
03	Tổng số đối tượng được thụ hưởng Quyết định 139/tổng số người nghèo trong diện 139				
04	Tổng số đối tượng chưa được tiếp cận với dịch vụ y tế cơ bản				

05	Tổng số trẻ em dưới 6 tuổi được phát thẻ KCB				
06	Tổng kinh phí UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch phân bổ ngân sách nâng cấp bệnh viện				
	Tổng kinh phí UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch phân bổ ngân sách nâng cấp bệnh viện tuyến huyện (triệu đồng)				
	Tổng kinh phí UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch phân bổ ngân sách nâng cấp bệnh viện tuyến tỉnh; bệnh viện đa khoa khu vực (triệu đồng)				
07	Tổng số vốn hỗ trợ đầu tư bệnh viện				
	Tổng số vốn hỗ trợ đầu tư bệnh viện tuyến huyện đã nhận được (triệu đồng)				
	Tổng số vốn hỗ trợ đầu tư bệnh viện tuyến tỉnh và bệnh viện đa khoa khu vực đã nhận được (triệu đồng)				
	Tổng số vốn hỗ trợ đầu tư bệnh viện tuyến tỉnh đã nhận được (triệu đồng)				
08	Tổng số đầu tư bệnh viện huyện từ ngân sách của tỉnh (triệu đồng)				
09	Tổng chi đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương (triệu đồng)				
10	Tổng chi thường xuyên từ ngân sách địa phương (triệu đồng)				
11	Tổng số người tham gia BHYT/ tổng dân số				

#### 4. Một số thông tin liên quan đến xã hội hóa công tác y tế

STT	Nội dung	2005	2010	2014
01	<b>Cơ sở y tế tư nhân</b>			
	Tổng số Bệnh viện đa khoa			
	Tổng số Bệnh viện chuyên khoa			
	Tổng số Phòng khám đa khoa			
	Tổng số Phòng khám chuyên khoa (Tai-			



	mũi-họng; răng-hàm-mặt; da liễu)			
	Dịch vụ y tế			
	Tổng số nhà hộ sinh			
	Tổng số phòng khám chuyên khoa nội			
02	<b>Cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài</b>			
	Bệnh viện đa khoa			
	Tổng số phòng khám đa khoa			
	Tổng số phòng khám chuyên khoa			
	Tổng số phòng xét nghiệm			
03	<b>Hành nghề y dược tư nhân</b>			
	Tổng số Nhà thuốc tư nhân			
	Tổng số Đại lý bán thuốc			
	Tổng số doanh nghiệp kinh doanh thuốc			
	Tổng số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			
04	<b>Hành nghề y học cổ truyền tư nhân</b>			
	Số Điều dưỡng + phục hồi chức năng			
	Số phòng chẩn trị y học cổ truyền			
	Số cơ sở điều trị + phục hồi chức năng			
	Số đại lý thành phẩm y học cổ truyền			

### 5. Thực hiện bảo hiểm y tế

STT	Các loại BHYT	2005		2010		2014		Ghi chú
		SL	%	SL	%	SL	%	
01	Tổng số dân tham gia các loại hình BHYT							
02	Tham gia BHYT bắt buộc							
03	Tham gia BHYT tự nguyện							
04	Người nghèo được cấp thẻ BHYT							
05	Trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT							
06	Học sinh, sinh viên tham gia BHYT							



**7. Kết quả ban hành các văn bản của các cấp** (ghi tỷ lệ % hoặc số tuyệt đối vào ô tương ứng)

Văn bản	Cấp ra văn bản và loại văn bản											
	Cấp ủy						Hội đồng nhân dân		Ủy ban nhân dân			
	Nghị quyết	Chỉ thị	Thông tri	Chương trình	Kế hoạch	Văn bản khác	Nghị quyết	Văn bản khác	Quyết định	Chương trình	Kế hoạch	Văn bản khác
Nghị quyết 46-NQ/TW												
Cấp tỉnh												
Cấp huyện												
Cấp xã												

**8. Tình hình kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các văn bản trên tại địa bàn (ghi tỷ lệ % hoặc số tuyệt đối vào ô tương ứng)**

Văn bản	Kiểm tra		Giám sát		Sơ kết đánh giá		Ghi chú
	Có (ghi rõ thời gian kiểm tra)	Không	Có	Không	Có	Không	
<b>Nghị quyết 46-NQ/TW</b>							
Cấp tỉnh							
Cấp huyện							
Cấp xã							

### 9. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước

	2005	2010	2014	Chưa triển khai/chưa có
Số lượng cán bộ thanh tra y tế tại sở Y tế				
Tỷ lệ cán bộ thanh tra y tế/10.000 dân				
Năm có gửi báo cáo về công tác thanh tra y tế về Bộ Y tế (Ghi năm cụ thể)				